

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **24/2019/DS-ST**.

Ngày: 28/05/2019.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thảo**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đoàn Thanh Thúy**.

Ông Cao Phước Nghĩa.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Đặng Thanh Sang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên Tòa: Ông **Nguyễn Minh Hậu** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 05 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 193/2018/TLST-DS, ngày 04/10/2018 về vụ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-DS, ngày 16/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2019/QĐST-DS ngày 07/05/2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần Q D** (Ngân hàng TMCP Q D). Địa chỉ: Số 28C - 28D, phố B Tr, phường H B, quận H K, Thành phố H N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Tiến D**. Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm: 1977. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Q D - chi nhánh Kiên Giang

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Nguyễn Trung T**, sinh năm: 1963. Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP Q D - chi nhánh Kiên Giang. Địa chỉ: Số 56 Tr Ph, phường VTh, thành phố R G, tỉnh KG. Theo văn bản ủy quyền số: 133/2018/UQ - NCB, ngày 21/8/2018.

* Bị đơn: Bà **Trần Kim H**, sinh năm: 1961. Địa chỉ: Ấp H T, xã MH S, huyện H Đ, tỉnh KG

(Ông T có mặt; bà H vắng mặt).

NHẬN THẤY:

**** Theo đơn khởi kiện và tại bản tự khai người đại diện theo ủy quyền của của nguyên đơn trình bày:***

Bà Trần Kim H có ký kết với Ngân hàng TMCP Q D hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 753/11/HĐTD/102-52 ngày 02/07/2011 vay số tiền là 220.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 02/7/2011 đến ngày 02/7/2012. Mục đích của hợp đồng vay nêu trên là sản xuất nông nghiệp. Phương thức trả gốc, lãi: Lãi trả 02 kỳ, mỗi kỳ 06 tháng, gốc trả cuối kỳ. Mức lãi suất là 26,22 %/năm, lãi suất phạt quá hạn: (=) 150%/LSV, tỷ lệ phí phạt chậm trả lãi: 0,1%/ngày.

Để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, khi vay vốn bà Trần Kim H có ký Hợp đồng thế chấp số: 753/2011/HĐTC-BDS/102-52 ngày 01/07/2011 dùng tài sản là QSDĐ do bà Trần Kim H đứng tên số AB 159968 được UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 02/12/2005, diện tích 14.375m² (thửa đất số 127 - TĐĐ số 7); Địa chỉ khu đất tại: Ấp Kiên Hảo, xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. QSDĐ nói trên đã được đăng ký giao dịch tài sản đảm bảo ngày 01/7/2011 tại Văn phòng đăng ký đất đai - Phòng Tài nguyên môi trường huyện Hòn Đất, theo đúng quy định của pháp luật.

Ngân hàng đã giải ngân cho phía bà Trần Kim H vay số tiền 220.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Trần Kim H chưa thanh toán cho ngân hàng nợ gốc và vi phạm nghĩa vụ đóng lãi (bà Hoa đã đóng lãi cho Ngân hàng được 81.695.868 đồng). Mặc dù ngân hàng đã đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần nhưng bà H vẫn không thực hiện trả nợ cho ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà Trần Kim H phải thanh toán các khoản nợ như sau:

- Số nợ gốc 220.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 18/7/2018 như sau: lãi suất trong hạn là 214.172.077 đồng, lãi quá hạn là 252.728.977 đồng và lãi phạt chậm trả lãi là 141.784.774 đồng.

Tổng cộng là 828.685.828 đồng và đồng thời trả lãi phát sinh kể từ ngày 19/7/2018 cho đến ngày thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần QD với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số: 753/11/HĐTD/102-52 ngày 02/07/2011 và nếu bà H không thanh toán thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

**** Bị đơn bà Trần Kim H:*** Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà H như Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật nhưng bà H không đến Tòa án nên không có lời khai.

Tại phiên tòa:

Ông T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền phạt chậm trả lãi là 141.784.774 đồng. Ông T yêu cầu bà H trả cho Ngân hàng TMCP QĐ số tiền tổng cộng là 686.901.054 đồng (Trong đó, nợ gốc 220.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 18/7/2018 như sau: lãi suất trong hạn là 214.172.077 đồng, lãi quá hạn là 252.728.977 đồng). Đồng thời, bà H phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 19/7/2018 cho đến ngày thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần QĐ với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số: 753/11/HĐTD/102-52 ngày 02/07/2011 và nếu bà H không thanh toán thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Ông Nguyễn Minh Hậu - đại diện VKSND huyện Hòn Đất trình bày quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo tố tụng: Việc tòa án xác định quan hệ tranh chấp và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện tốt các quyền cũng như nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà H phải trả cho Ngân hàng TMCP QĐ số tiền tổng cộng là 686.901.054 đồng (Trong đó, nợ gốc 220.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 18/7/2018 như sau: lãi suất trong hạn là 214.172.077 đồng, lãi quá hạn là 252.728.977 đồng). Đồng thời, bà H phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 19/7/2018 cho đến ngày thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần QĐ với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số: 753/11/HĐTD/102-52 ngày 02/07/2011 và nếu bà H không thanh toán thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phần tiền phạt chậm trả lãi là 141.784.774 đồng của nguyên đơn.

Về án phí: Buộc bà H phải chịu theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng TMCP QĐ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Kim H là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP QĐ yêu cầu bà Trần Kim H phải trả cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 828.685.828 đồng (Trong đó, nợ gốc 220.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 18/7/2018 như sau: lãi suất trong hạn là 214.172.077 đồng, lãi quá hạn là 252.728.977 đồng và tiền phạt chậm trả lãi là 141.784.774 đồng) và đồng thời trả lãi phát sinh kể từ ngày 19/7/2018 cho đến ngày thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần QĐ với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số: 753/11/HĐTD/102-52 ngày 02/07/2011 và nếu bà H không thanh toán thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Hội đồng xét xử, xét thấy:

- Về nợ gốc: Theo hợp đồng tín dụng số 753/11/HĐTD/102-52 ngày 02/07/2011, thì bà Trần Kim H vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần QĐ số tiền 220.000.000 đồng. Ngân hàng TMCP QĐ đã giải ngân số tiền vay 220.000.000 đồng cho bà H. Đến hạn trả nợ thì bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng như đã thỏa thuận. Đối với bà H: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà H nhưng bà H không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện, các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu độc lập nên căn cứ vào khoản 1, 2 và 4 Điều 91 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015, có thể khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Do đó, Ngân hàng TMCP QĐ Nội yêu cầu bà H trả nợ gốc là 220.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 474 Bộ Luật dân sự 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà H phải trả cho Ngân hàng TMCP QĐ số nợ gốc là 220.000.000 đồng.

Về lãi suất: Tại bản tự khai và tại phiên tòa ông T là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP QĐ xác nhận từ khi vay cho đến nay bà H có đóng lãi cho Ngân hàng được số tiền 81.695.868 đồng. Tính đến ngày 18/7/2018 bà H còn nợ tiền lãi của Ngân hàng tổng cộng là 608.685.828 đồng (Trong đó, lãi suất trong hạn là 214.172.077 đồng, lãi quá hạn là 252.728.977 đồng và tiền phạt chậm trả lãi là 141.784.774 đồng). Đồng Thời, Ngân hàng TMCP QĐ yêu cầu bà H phải trả cho ngân hàng số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/7/2018 cho đến khi trả xong nợ với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên. HĐXX xét thấy, căn cứ theo Điều 476 Bộ Luật Dân sự năm 2005 thì yêu cầu tính lãi trong hạn và lãi quá hạn của Ngân hàng là phù hợp nên HĐXX chấp nhận. Buộc bà H phải trả cho Ngân hàng tổng cộng là 466.901.054 đồng (Trong đó, lãi suất trong hạn là 214.172.077 đồng, lãi quá hạn là 252.728.977 đồng) và bà H còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng kể từ ngày 19/7/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên.

Đối với số tiền phạt chậm trả lãi là 141.784.774 đồng thì tại phiên tòa ông T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại yêu cầu này. Xét thấy, yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên HĐXX đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Về tài sản thế: Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 753/11/HĐTC-BDS/102-52 ngày 01/07/2011. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thế chấp các tài sản nêu trên giữa bà H với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện và các tài sản thế chấp đã đăng ký theo quy định tại các Điều 342, 343 Bộ Luật Dân sự 2005 là đúng quy định. Do đó, nếu bà H không tự nguyện thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ cho Ngân hàng thì cần duy trì hợp đồng thế chấp nêu trên để đảm bảo cho việc thi hành án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch:

Buộc bà H phải chịu án phí đối với số tiền 686.901.054 đồng. Án phí được tính như sau: 20.000.000 đồng + 4% (286.901.054 đồng) = 20.000.000 đồng + 11.476.043 đồng = 31.476.043 đồng (Ba mươi một triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm bốn mươi ba đồng).

Trả cho Ngân hàng TMCP Q D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.400.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 471, 474 và 476 Bộ Luật dân sự 2005 và Điều 688 Bộ Luật dân sự 2015 .

- Căn cứ Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q D.

Buộc bà Trần kim H phải trả cho Ngân hàng TMCP QD số nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 18/7/2018, tổng cộng 686.901.054 đồng (Trong đó, gốc là 220.000.000đ và lãi suất trong hạn là 214.172.077 đồng, lãi quá hạn là 252.728.977 đồng) và bà H còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng kể từ ngày 19/7/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng 753/11/HĐTD/102-52 ngày 02/07/2011.

Khi bà H trả xong nợ thì Ngân hàng TMCP QD có trách nhiệm trả lại cho bà H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng số AB 159968 được UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 02/12/2005, diện tích 14.375m² (thửa đất số 127 – TĐĐ số ; Địa chỉ khu đất: Ấp Kiên Hảo, xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang do bà H đứng tên. Trường hợp bà H không tự nguyện thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ cho Ngân hàng TMCP Q D thì Ngân hàng TMCP Q D có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế số 753/11/HĐTC-BDS/102-52 ngày 01/07/2011 để thu hồi nợ.

[2] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tiền phạt chậm trả lãi số tiền là 141.784.774 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch:

Buộc bà Trần Kim H phải chịu án phí là 31.476.043 đồng (Ba mươi một triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm bốn mươi ba đồng).

Trả cho Ngân hàng TMCP Q D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.400.000 đồng theo lai thu số 0009100 ngày 14/9/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

[4] Quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP Q D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hòn Đất;
- CCTHADS;
- Dương sự;
- Lưu.

Lê Thị Thanh Thảo